

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ- ST.

Ngày: 07/8/2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO**

- *Tính phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiền;
2. Ông Vũ Văn Chuyển.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L, tổ 15, phường N, thành phố L, tỉnh L (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1975, thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số 6, ngách 139/69 H, phường V, quận L, thành phố H (Có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 18, khu 4, phường V, thành phố V, tỉnh P(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Thanh L trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Thanh L và chị Trần Thị G đăng ký kết hôn ngày 05/9/2000 tại UBND phường V, thành phố V, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu nhau, không ai bị ép buộc gì được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục. Lúc đó anh L là bộ đội còn chị G làm ở bệnh viện đa khoa tỉnh P. Sau khi kết hôn anh L ở tại tiểu đoàn 2, trung đoàn 604 (tại xã T, huyện L, tỉnh P), còn chị G

vẫn ở nH mẹ đẻ chị G (tại phường V, tHnh phố V, tỉnh P). Quá trình vợ chồng chung sống không được hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh và chị G không cùng quan điểm trong mọi lĩnh vực, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh L đã phải đưa hai con lên đơn vị để ở, chị G luôn nghi ngờ anh ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Gần đây chị G có đơn tố cáo anh tại đơn vị làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh. Nay anh L xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Trần Thị G.

- *Về con chung*: Anh L trình bày vợ chồng anh có 02 con chung:

1/ Cháu Đỗ Thị Thanh N – Sinh ngày 21/6/2001;

2/ Cháu Đỗ Quang K - Sinh ngày 11/01/2004;

Khi ly hôn anh L đề nghị để cháu Đỗ Quang K cho chị Trần Thị G trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Anh L đóng góp nuôi cháu K là 3.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, còn cháu G đã đủ 18 tuổi nên anh không cấp dưỡng, anh có thì anh cho cháu, anh không có thì thôi.

- *Về tài sản chung*: Anh L trình bày vợ chồng có 01 xe máy Dream BKS 19H2-8034 khi mua là 24.000.000đ, lúc đó anh có 9.000.000đ, còn chị G có 15.000.000đ, chiếc xe máy này anh đã bán từ năm 2014 với giá 7.000.000đ hiện nay đã chi tiêu hết. Tại phiên tòa hôm nay chị G đề nghị anh L thanh toán cho chị G 15.000.000đ, anh L tự nguyện trả cho chị G 15.000.000đ.

- *Về tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp*: Anh L xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn là chị Trần Thị G trình bày***: Chị G thừa nhận quá trình kết hôn, thời gian địa điểm kết hôn như L trình bày là đúng. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2002 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L ghen tuông vô cớ đánh chị, khi chị G mang thai cháu Khải anh L không quan tâm chăm sóc mẹ con chị, khi mẹ con chị lên đơn vị anh L ở, anh L cho rằng chị không biết nấu ăn chăm sóc gia đình, chị có bỏ về nH mẹ đẻ ở để ba bố con anh L tự chăm sóc nhau khoảng 3 tháng, vợ chồng chị đã sống ly thân từ lâu, anh L còn có đơn tố cáo chị gửi cơ quan chị. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L xin ly hôn chị không nhất trí vì cháu K chưa tHnh niên.

- *Về con chung*: Như anh L trình bày là đúng, tại phiên Tòa hôm nay chị G đề nghị nếu ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai cháu Đỗ Thanh N và Đỗ Quang K. Chị đề nghị anh L đóng góp nuôi con chung cho cháu N là 4.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N học xong Học viện y học cổ truyền, cháu K là 3.000.000đ/tháng đến khi cháu K tHnh

niên và chị G đề nghị anh L đóng góp nuôi hai cháu một lần.

- Về tài sản chung: Như anh L trình bày là đúng. Chị đề nghị anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị 15.000.000đ là tiền chị đã đóng góp vào mua chiếc xe máy anh L đã bán và chi tiêu hết.

- Về tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp: Chị G xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Đỗ Thanh L được ly hôn với chị Trần Thị G.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Quang K, sinh ngày 11/01/2004 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Quang K là 3.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu K tHnh niên. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ Hng tháng. Cháu Đỗ Thị Thanh N đã tHnh niên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị G về tài sản chung: Anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị G 15.000.000đ.

- Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp: Anh L và chị G xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

§'i diỐn ViỐn kiỐm s,t nh©n d©n thụnh phè V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp Hnh pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xử: Anh Đỗ Thanh L được ly hôn chị Trần Thị G.

- Về con chung: Xác nhận anh L và chị G có 02 con chung là con chung là cháu Đỗ Thị Thanh N – Sinh ngày 21/6/2001 và cháu Đỗ Quang K - Sinh ngày 11/01/2004. Giao cháu Đỗ Quang K, sinh ngày 11/01/2004 cho chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Quang K là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu K tHnh niên, phương thức cấp dưỡng Hng tháng.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị G, anh Đỗ Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị G là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

- Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là chị Trần Thị G có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 18, khu 4, phường V, tHnh phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tHnh phố V, tỉnh P.

[2]. *Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Thanh L và chị Trần Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, tHnh phố V, tỉnh P, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2002 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay chị G không đồng ý ly hôn vì cháu K chưa tHnh niên. Tại bản tự khai ngày 30/6/2020 chị G cũng khẳng định cuộc sống chung giữa chị và anh L có nhiều mâu thuẫn, anh L ghen tuông có đánh chị, không quan tâm chăm sóc mẹ con chị, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, anh L còn có đơn tố cáo chị gửi đến cơ quan chị làm ảnh hưởng đến công việc của chị, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh L xin ly hôn chị G nhất trí. Tại biên bản hòa giải ngày 06/7/2020 chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhất trí ly hôn với điều kiện anh L phải nói với chị H rút đơn tố cáo chị tại cơ quan Công an tHnh phố V. Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2020 chị G cũng khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhất trí ly hôn khi nào cháu K tHnh niên. Qua xác minh tại cơ quan Công an tHnh phố V cho thấy: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn tố cáo chị Trần Thị G có Hnh vi vu khống, xúc phạm danh dự của chị H về việc chị H có quan hệ với anh L, hiện nay Công an tHnh phố V đang thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L và chị G còn có đơn tố cáo nhau làm ảnh hưởng đến danh dự uy tín của nhau. Điều đó đã chứng tỏ rằng cuộc hôn nhân của anh L và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho anh Đỗ Thanh L được ly hôn với chị Trần Thị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Xét thấy anh L và chị G có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thanh N – Sinh ngày 21/6/2001 và cháu Đỗ Quang K - Sinh ngày 11/01/2004.

Xét về nguyên vọng nuôi con của anh L và chị G thấy rằng: Anh L và chị G đều thống nhất để chị G nuôi cháu Đỗ Quang K, cháu K có nguyên vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn cháu Đỗ Thị Thanh N đã tHnh niên lao động tự túc được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét về cấp dưỡng nuôi con chung thấy rằng: Cháu Đỗ Thị Thanh N, sinh ngày 21/6/2001 hiện nay đã tHnh niên, lao động tự túc được. Theo quy định tại điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa tHnh niên nên đề nghị của chị G là không có căn cứ do vậy không được chấp nhận. Đối với cháu Đỗ Quang K, sinh ngày 11/01/2004 hiện nay cháu K chưa tHnh niên, anh L và chị G nhất trí anh L đóng góp nuôi cháu K là 3.000.000đ/tháng, thấy là phù hợp cần chấp nhận đề nghị của anh L và chị G.

Xét về phương thức cấp dưỡng thấy rằng: Hiện nay anh L là bộ đội lương bình quân là 19.500.000/1 tháng, hưởng lương theo Hng tháng. Nếu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G một lần thì anh L rất khó khăn về kinh tế nên việc chị G đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung một lần là không phù hợp. Vì vậy, cần buộc anh L cấp dưỡng nuôi cháu K theo định kỳ Hng tháng là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của anh L.

- Về tài sản chung: Anh L và chị G xác nhận vợ chồng có 01 xe máy Dream BKS 19H2-8034 khi mua là 24.000.000đ, lúc đó anh có 9.000.000đ, còn chị G có 15.000.000đ, chiếc xe máy này anh đã bán từ năm 2014 với giá 7.000.000đ hiện nay đã chi tiêu hết. Tại phiên tòa hôm nay chị G đề nghị anh L thanh toán cho chị G 15.000.000đ, anh L nhất trí. Vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự: anh L có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản cho chị G là 15.000.000đ.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Án phí chia tài sản anh L xin chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của luật sư, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố V là phù hợp nên chấp nhận.

V× c, c lĩ tr^qn.

quyỐt ®Pnh:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 59, 81,82, 83, 110, 116,117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh L.

Xử: Cho anh Đỗ Thanh L được ly hôn với chị Trần Thị G.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Quang K, sinh ngày 11/01/2004 cho chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu K tHnh niên. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ Hng tháng. Cháu Đỗ Thị Thanh N đã tHnh niên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị G: Anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị G 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Kể từ khi người được thi Hnh án có đơn đề nghị thi Hnh án mà người phải thi Hnh án không thi Hnh còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thanh toán theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp: Anh L và chị G xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản. Tổng là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000970 ngày 23/6/2020 tại Chi cục dân sự tHnh phố V. Anh L còn phải nộp 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm./.

Tr-êng híp b¶n, n ®-íc thi hµnh theo quy ®Pnh t'i ®iÒu 2 LuËt thi hµnh, n d©n sù th× ng-êi ®-íc thi hµnh, n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh, n d©n sù cũ quyÒn tho¶ thuËn thi hµnh, n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh, n, tù nguyÕn thi hµnh, n hoÆc bP c-ìng chÕ thi hµnh, n theo quy ®Pnh t'i ®iÒu 6, 7 vµ 9 LuËt thi hµnh, n d©n sù; thêi hiÒu thi hµnh, n ®-íc thùc hiÖn theo quy ®Pnh t'i ®iÒu 30 LuËt thi hµnh, n d©n sù.

N-i nh©n:

- VKSND Tp.ViÖt Tr×;

TÒA

- Chi cc THA Tp.ViÖt Tr×;

- UBND phường V;

- C,c ®-ng sù;

- L-u HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Cao Thị Đào

